

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/ 2017 /QĐST- VDS

Ngày: 18/09/2017

“V/v hủy hôn nhân trái pháp luật”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần giải Q việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Lương Thị Thanh Quyên – Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải Q việc dân sự thụ lý số: 03/2017/TLST-VDS ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Q định mở phiên họp số: 08/2017/QĐPH-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Q định hoãn phiên họp số 06 /2017/QĐPH – ST ngày 01/9/2017 giữa:

***Người yêu cầu giải Q việc dân sự:** Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978.

HKTT: Tổ 10, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở hiện nay: Số 123, L, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.(Có đơn đề nghị mở phiên họp vắng mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1973(Có mặt)

HKTT: Xóm 6, thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3/ Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

HKTT: Xóm 6, thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2/UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Do ông Ngô Kim N – Chủ tịch UBND đại diện (Vắng mặt)

NỘI DUNG YÊU CẦU

Theo đơn yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật ngày 10/4/2017 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này của người yêu cầu là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Hữu Q vào ngày 11/08/2009, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống chúng tôi tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh do tôi công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh còn anh Q công tác tại Lữ đoàn 132 đóng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bằng A sinh ngày 26/5/2011. Kể từ khi sinh con thì anh Q ít về thăm hai mẹ con tôi hơn với lý do bận công tác. Sau đó một thời gian thì anh Q nói với tôi về việc được điều động ra công tác tại Trường trung cấp thông tin cơ sở 2 tại xã T, huyện B, thành phố Hà Nội. Sau khi anh Q ra Miền Bắc công tác thì không hề quan tâm và có trách nhiệm với hai mẹ con. Nhiều lần tôi gọi điện thoại hỏi thì anh lấy lý do bận công tác không vào, sau thấy tôi điện nhiều lần thì anh Q tắt máy không nghe và không liên lạc gì với mẹ con tôi nữa. Sau này, nhờ người thân bạn bè ngoài này tìm hiểu thì tôi mới biết anh Q ở Bắc Giang đã có vợ và 2 con trai đã lớn. Như vậy, anh Q đã có vợ và con ở Bắc Giang chưa ly hôn nhưng vẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn với tôi là trái quy định của pháp luật mặc dù tôi và anh Q đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Y là có giấy giới thiệu của Lữ đoàn 132 nơi anh Q công tác. Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang hủy hôn nhân trái pháp luật giữa tôi và anh Nguyễn Hữu Q trong giấy chứng nhận kết hôn số 62 quyền số 01 ngày 11/8/2009 do UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cấp.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Hữu Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bằng A sinh ngày 26/5/2011. Hiện nay cháu A đang ở với tôi và phát triển bình thường. Trường hợp hủy kết hôn trái pháp luật tôi có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Vì lý do công việc và đường xá xa xôi nên chị Th có đơn đề nghị được vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Hữu Q trình bày: Tôi với chị Nguyễn Thị Th quen biết nhau năm 2008. Ngày 11/8/2009, tôi và chị Th đăng ký kết hôn tại UBND phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái là quê gốc của chị Th và bố mẹ chị Th hiện vẫn đang sống ở đó. Sau khi đăng ký kết hôn thì chúng tôi có tổ chức lễ cưới nhưng chỉ có gia đình chị Th tham gia còn gia đình tôi ở xa nên không có ai. Để làm thủ tục đăng ký kết hôn được với chị Th tôi đã xuất trình giấy giới thiệu của đơn vị nơi tôi công tác lúc đó là Lữ đoàn 132 tại P, tỉnh Gia Lai với UBND phường H làm căn cứ mặc dù tại thời điểm tôi đăng ký kết hôn với chị Th tôi đã có vợ là Đoàn Thị H sinh năm 1978 ở Hoàng Mai, H,V, Bắc Giang và có 02 con chung là Nguyễn Hữu Ch sinh ngày 12/01/2001 và Nguyễn Hữu Ph sinh ngày 02/4/2011. Tôi và vợ tôi Đoàn Thị H có đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/03/2001 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tôi xác định do không nắm rõ pháp luật và bản thân có sự bồng bột

nên tôi đã đăng ký kết hôn với chị Th trong khi vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp với vợ tôi(H). Nay chị Th làm đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Th với tôi thì tôi hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Thị Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bằng A sinh ngày 26/5/2011. Hiện nay cháu An đang ở với chị Th và phát triển bình thường. Khi hủy kết hôn trái pháp luật tôi đồng ý để chị Th nuôi con chung là cháu A. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung tôi không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại biên bản lấy lời khai chị Đoàn Thị H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Hữu Q đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V ngày 02/03/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trong quá trình chung sống, anh Q thường xuyên công tác xa nhà nhưng vẫn gọi điện hỏi thăm vợ con hàng ngày và về thăm gia đình hàng năm. Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Ch sinh ngày 12/01/2001 và Nguyễn Hữu Ph sinh ngày 02/4/2011. Cuộc sống vợ chồng tôi hạnh phúc và không có xích mích gì, tôi cũng không nghi ngờ gì anh Q cho đến khi có đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978, trú tại số nhà 123, L, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với anh Q thì tôi mới biết anh Q và chị Th có đăng ký kết hôn với nhau, có con chung trong khi anh Q vẫn đang tồn tại hôn nhân với tôi. Nay tôi thấy việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu Q là trái quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Th và anh Q đồng thời giải Q về việc nuôi con chung, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ông Ngô Kim N chủ tịch UBND phường H, thành phố Yên Bái trình bày: Căn cứ vào hồ sơ đăng ký kết hôn và giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/08/2009 giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu Q là hoàn toàn đúng về trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật. Nay chị Th có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Việt Yên hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Hữu Q thì UBND phường H đề nghị Tòa án giải Q theo quy định của pháp luật. Do ông bận công việc nên xin vắng mặt tại phiên họp xét việc trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên họp: Thẩm phán giải quyết vụ việc dân sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đương sự chấp hành đúng pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về ý kiến giải quyết vụ việc: Áp dụng các Điều 10; 11; 12; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/NQ – QH 14 ngày 30/12/2016 của UBTWQH về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th.

Ra Quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bằng A sinh ngày 26/5/2011 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th.

Lệ phí: Chị Th không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án, không phải chịu lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ và qua lời trình bày của các bên đương sự, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu Q kết hôn với nhau ngày 11/8/2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Quá trình tìm hiểu ban đầu, đăng ký kết hôn chị Nguyễn Thị Th không biết việc anh Nguyễn Hữu Q đã kết hôn với chị Đoàn Thị H, sinh năm 1978 ở H, H và có 02 con chung đã lớn. Nay qua tìm hiểu chị mới biết anh Q đã có vợ và con ở tại Ho, H, V, Bắc Giang và vợ chồng anh Q chưa ly hôn. Vì vậy, chị yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Hữu Q. Quá trình xác minh tại UBND xã H, huyện V được cung cấp anh Nguyễn Hữu Q và chị Đoàn Thị H kết hôn với nhau ngày 02/3/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã và hiện đang sống cùng nhau tại xóm 6, thôn H, xã H, huyện V. Anh Q cũng đã cung cấp cho Tòa án được bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh và chị Đoàn Thị H. Như vậy, việc đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu Q ngày 11/8/2009 là trái quy định của pháp luật. Do đó, việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Th là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Th và anh Q đều xác định anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bằng A sinh ngày 26/5/2011. Hiện nay cháu An đang ở với chị Th và phát triển bình thường. Khi hủy kết hôn trái pháp luật, chị Th và anh Q đều thống nhất thỏa thuận để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung của anh chị là cháu Nguyễn Thị Bằng A. Do đó, cần giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bằng A sinh ngày 26/5/2011 cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Th và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không xem xét giải quyết trong vụ việc này.

Do chị Th, chị H và đại diện UBND phường H xin vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp nên cần xem xét vắng mặt chị Th, chị Hiền và đại diện UBND phường H theo quy định tại điều 367 BLTTDS.

Chị Th không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ngoài ra còn phải tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo luật định.

Vì các lẽ trên.

Q ĐỊNH

Áp dụng Khoản 7 điều 28; điều 146; điều 367; điều 370; điều 371; điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9; điều 10; điều 11; điều 12; điều 57; điều 58; điều 81; 82; 83- Luật hôn nhân và gia đình.

Điều d khoản 2 Điều 11 Nghị Q 326/2016/NQ – QH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật của chị Nguyễn Thị Th.

2/ Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 quyển số 01 ngày 11/08/2009 của UBND phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, giữa: Họ tên chồng có ghi Nguyễn Hữu Q và Họ tên vợ có ghi Nguyễn Thị Th.

3/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Bằng A sinh ngày 26/5/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hữu Q không yêu cầu Tòa án giải Q. Anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

4/Về lệ phí: Chị Th không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Th 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số AA/2012/04553 ngày 18/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày công bố quyết định. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt quyết định xét vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- UBND phường H, Thành phố Y.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên